

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 637/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

**- Bị đơn:** Ông Hà Văn N, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông N vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà T và ông N chung sống tự nguyện với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 24/12/2002.

Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thường xuyên

uống rượu về đánh đập bà T nhiều lần. Bà T đã làm đơn xin ly hôn nhiều lần nhưng rút đơn để tạo điều kiện cho ông N thay đổi nhưng ông N vẫn chứng nào tật ấy. Cuộc sống vợ chồng đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T làm đơn xin ly hôn với ông N.

- Con chung: Có 02 con chung tên Hà Văn Hiểu, sinh năm 1994 và Hà Văn K, sinh năm 1998. Hai con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án: 01 giấy chứng minh nhân dân nguyên đơn, 01 sổ hộ khẩu thường trú của nguyên đơn, 01 trích lục giấy chứng nhận kết hôn, 02 giấy khai sinh của con, 01 bản cam kết, 01 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, 01 bản tự khai của nguyên đơn.

Ngoài ra, bà T không có trình bày hay không cung cấp chứng cứ gì thêm.

*\* Bị đơn ông Hà Văn N:*

Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông N vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông N.

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo trình tự luật định. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông N là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông N đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông N thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị

đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông N, kết quả xác minh xác định bị đơn ông N có hộ khẩu thường trú và vẫn đang cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông N tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D ngày 24/12/2002. Hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Bà T xác định quá trình chung sống bà T và ông N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do ông N thường xuyên uống rượu về đánh đập bà T nhiều lần, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin được ly hôn với ông N. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban lãnh đạo ấp C xác định: Ông N vẫn còn cư trú tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, giữa bà T và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông N thường xuyên uống rượu gây gỗ đánh đập vợ con, chính quyền đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông N không khắc phục. Bị đơn ông N cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy, ông N đã không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà T và ông N Có 02 con chung tên Hà Văn H, sinh năm 1994 và Hà Văn K, sinh năm 1998. Hai con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với ông Hà Văn N về việc “ly hôn”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Hà Văn N.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Hai con đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045457 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 13/5/2021).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Ngọc Tuyên**